

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày tháng năm 2023

**DANH SÁCH HỌC VIÊN THẠC SĨ KHÓA 2023-2025**  
**THI CHỨNG CHỈ SINH HỌC PHÂN TỬ**  
**Thời gian: 13 giờ 30 phút, Thứ Bảy 09/12/2023**  
**Địa điểm: Giảng đường 4D**

TT	SBD	Mã HV	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Chuyên ngành	Ký tên
1	31180	127231180	Hứa Tấn An	15/09/1994	Kiên Giang	Nội khoa	
2	31181	127231181	Hoàng Quý Thiên Ân	30/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
3	31182	127231182	Hoàng Hải Anh	30/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
4	31183	127231183	Lê Thị Hồng Anh	04/02/1994	An Giang	Nội khoa	
5	31184	127231184	Nguyễn Huỳnh Mai Anh	13/06/1996	Vĩnh Long	Nội khoa	
6	31185	127231185	Trần Việt Anh	08/02/1998	Bình Phước	Nội khoa	
7	31186	127231186	Trần Hải Đăng	26/03/1994	Bến Tre	Nội khoa	
8	31187	127231187	Lê Phương Diễm	01/11/1997	Trà Vinh	Nội khoa	
9	31188	127231188	Phạm Thị Bích Huệ	09/07/1994	Tiền Giang	Nội khoa	
10	31189	127231189	Nguyễn Bá Nhật Huy	09/06/1997	Thừa Thiên Huế	Nội khoa	
11	31190	127231190	Đào Thị Ngọc Huyền	23/07/1995	Tiền Giang	Nội khoa	
12	31191	127231191	Bùi Hữu Đăng Khoa	10/08/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
13	31192	127231192	Nguyễn Hoàng Khôi	19/02/1996	Ninh Thuận	Nội khoa	
14	31193	127231193	Nguyễn Nhất Bội Linh	20/12/1998	Ninh Thuận	Nội khoa	
15	31194	127231194	Nguyễn Phúc Nguyên	28/07/1995	Bến Tre	Nội khoa	
16	31195	127231195	Nguyễn Xuân Nguyên	26/08/1993	Đắk Lắk	Nội khoa	
17	31196	127231196	Nguyễn Hồ Hữu Phú	26/12/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
18	31197	127231197	Trần Minh Phúc	26/02/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
19	31198	127231198	Trần Hồng Quân	30/11/1993	Gia Lai	Nội khoa	
20	31199	127231199	Lâm Thanh Quế	17/01/1997	An Giang	Nội khoa	
21	31200	127231200	Nguyễn Thị Ngọc Quỳnh	20/09/1997	Ninh Thuận	Nội khoa	
22	31201	127231201	Đinh Hoàng Phương Thanh	11/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa	
23	31202	127231202	Hoàng Vũ Trung Thông	15/05/1996	Tây Ninh	Nội khoa	
24	31203	127231203	Lê Ngọc Anh Thư	12/10/1994	Long An	Nội khoa	
25	31204	127231204	Nguyễn Thị An Thuyên	16/10/1997	Đắk Lắk	Nội khoa	
26	31205	127231205	Trần Nguyễn Ngọc Trâm	17/08/1994	Hậu Giang	Nội khoa	

27	31206	127231206	Phạm Triết	20/10/1997	Bình Định	Nội khoa	
28	31207	127231207	Đoàn Hoàng Trinh	14/10/1996	Đồng Nai	Nội khoa	
29	31208	127231208	Trần Ngọc Việt	05/07/1994	Long An	Nội khoa	
30	31209	127231209	Lưu Thị Vinh	19/03/1995	Hải Dương	Nội khoa	
31	31210	127231210	Hoàng Thị Như Ý	20/01/1996	Thừa Thiên Huế	Nội khoa	
32	31211	127231211	Nguyễn Hồng Yến	07/10/1995	Tiền Giang	Nội khoa	
33	31212	127231212	Phạm Vũ Hạnh Dung	20/12/1997	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)	
34	31213	127231213	Trương Huỳnh Duy	23/03/1997	Cần Thơ	Nội khoa (Da liễu)	
35	31214	127231214	Nguyễn Khánh Hà	08/10/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
36	31215	127231215	Ngọc Hằng H'Mok	25/03/1997	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)	
37	31216	127231216	Võ Hoàng Đăng Khoa	19/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
38	31217	127231217	Sie Mỹ Nga	07/03/1997	Lâm Đồng	Nội khoa (Da liễu)	
39	31218	127231218	Nguyễn Khánh Ngọc	26/10/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
40	31219	127231219	Trần Ngọc Mẫn Nhi	08/01/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
41	31220	127231220	Đào Thanh Uyên Như	06/06/1998	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
42	31221	127231221	Nguyễn Thị Quỳnh Như	23/11/1998	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
43	31222	127231222	Lâm Quốc Thắng	11/06/1996	An Giang	Nội khoa (Da liễu)	
44	31223	127231223	Huỳnh Nên Thơ	14/06/1995	An Giang	Nội khoa (Da liễu)	
45	31224	127231224	Lê Trần Minh Thư	29/03/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
46	31225	127231225	Nguyễn Bích Thư	13-1-1996	Gia Lai	Nội khoa (Da liễu)	
47	31226	127231226	Nguyễn Thị Thủy	10/09/1996	Đắk Lắk	Nội khoa (Da liễu)	
48	31227	127231227	Đoàn Thanh Thủy Tiên	13/10/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
49	31228	127231228	Trần Thị Tuyết Vân	14/08/1997	Đồng Nai	Nội khoa (Da liễu)	
50	31229	127231229	Trần Hiền Vinh	30/06/1994	Bến Tre	Nội khoa (Da liễu)	
51	31230	127231230	Trương Hữu Vinh	07/09/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Da liễu)	
52	31231	127231231	Đoàn Nguyễn Thúy Vy	08/11/1996	Đồng Tháp	Nội khoa (Da liễu)	
53	31232	127231232	Nguyễn Tiến Đạt	11/09/1989	Hậu Giang	Nội khoa (Huyết học và truyền máu)	
54	31233	127231233	Phạm Thị Ngọc Anh	26/08/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)	
55	31234	127231234	Lê Mạnh Cường	03/09/1996	Long An	Nội khoa (Lão khoa)	
56	31235	127231235	Nguyễn Minh Đức	25/01/1982	Lào Cai	Nội khoa (Lão khoa)	
57	31236	127231236	Vũ Trung Hiếu	20/06/1995	Lạng Sơn	Nội khoa (Lão khoa)	
58	31237	127231237	Nguyễn Lê Huy Hoàng	12/12/1994	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)	
59	31238	127231238	Nguyễn Thị Mai Hương	03/10/1993	Hà Nam	Nội khoa (Lão khoa)	

60	31239	127231239	Trần Gia Huy	10/09/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)	
61	31240	127231240	Mai Duy Khang	19/04/1995	An Giang	Nội khoa (Lão khoa)	
62	31241	127231241	Huỳnh Ngọc Linh	04/05/1996	An Giang	Nội khoa (Lão khoa)	
63	31242	127231242	Nguyễn Thị Mỹ Linh	15/10/1997	Long An	Nội khoa (Lão khoa)	
64	31243	127231243	Lê Kiều My	10/10/1994	Đồng Tháp	Nội khoa (Lão khoa)	
65	31244	127231244	Nguyễn Thái Nguyên	29/11/1996	Bạc Liêu	Nội khoa (Lão khoa)	
66	31245	127231245	Võ Lê Thuý Nguyên	12/03/1996	Đồng Nai	Nội khoa (Lão khoa)	
67	31246	127231246	Võ Thị Minh Nguyệt	10/02/1996	Tiền Giang	Nội khoa (Lão khoa)	
68	31247	127231247	Nguyễn Thiện Nhân	30/04/1992	Khánh Hòa	Nội khoa (Lão khoa)	
69	31248	127231248	Nguyễn Lê Huỳnh Như	08/05/1994	Bình Dương	Nội khoa (Lão khoa)	
70	31249	127231249	Lương Thị Cẩm Nhung	15/10/1996	Phú Yên	Nội khoa (Lão khoa)	
71	31250	127231250	Nguyễn Thanh Phú	02/12/1997	Tiền Giang	Nội khoa (Lão khoa)	
72	31251	127231251	Trần Quốc Thảo	20/04/1997	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)	
73	31252	127231252	Nguyễn Ngọc Hoàn Mỹ Tiên	08/08/1982	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)	
74	31253	127231253	Nguyễn Thị Thuý Trang	02/12/1997	Đà Nẵng	Nội khoa (Lão khoa)	
75	31254	127231254	Đặng Long Triều	05/04/1988	Phú Khánh	Nội khoa (Lão khoa)	
76	31255	127231255	Nguyễn Tấn Trung	18/10/1995	Long An	Nội khoa (Lão khoa)	
77	31256	127231256	Trịnh Công Tuấn	06/07/1995	Đắk Lắk	Nội khoa (Lão khoa)	
78	31257	127231257	Bàng Ái Viên	15/06/1982	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Lão khoa)	
79	31258	127231258	Hoàng Hải Đăng	09/04/1997	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	
80	31259	127231259	Đoàn Thị Thu Hiền	03/01/1997	Đắk Lắk	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	
81	31260	127231260	Trần Thanh Huyền	25/04/1995	Trà Vinh	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	
82	31261	127231261	Mai Ngọc Hà My	07/01/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	
83	31262	127231262	Huỳnh Thị Đan Thanh	25/10/1995	Bến Tre	Nội khoa (Phục hồi chức năng)	
84	31263	127231263	Nguyễn An Khải	19/02/1995	Bình Định	Nội khoa (Tâm thần)	
85	31264	127231264	Nguyễn Hồng Phương	21/06/1995	Trà Vinh	Nội khoa (Tâm thần)	
86	31265	127231265	Huỳnh Đoàn Phương Trúc	28/01/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Tâm thần)	
87	31266	127231266	Phan Bằng	07/08/1995	Quảng Trị	Nội khoa (Thần kinh)	
88	31267	127231267	Mai Hà Lê Bảo	22/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Thần kinh)	
89	31268	127231268	Trần Quốc Bình	24/04/1995	Sóc Trăng	Nội khoa (Thần kinh)	
90	31269	127231269	Quan Ngọc Các	16/11/1994	Tây Ninh	Nội khoa (Thần kinh)	
91	31270	127231270	Lý Minh Đăng	10/06/1995	TP. Hồ Chí Minh	Nội khoa (Thần kinh)	
92	31271	127231271	Nguyễn Xuân Diệu	13/12/1994	Gia Lai	Nội khoa (Thần kinh)	

93	31272	127231272	Nguyễn Thịnh Đức	18/05/1997	Quảng Nam	Nội khoa (Thần kinh)	
94	31273	127231273	Trần Tư Giáp	21/10/1994	Đắk Lắk	Nội khoa (Thần kinh)	
95	31274	127231274	Nguyễn Huy Hoàng	05/03/1994	Đà Nẵng	Nội khoa (Thần kinh)	
96	31275	127231275	Đặng Bích Loan	15/09/1997	Vĩnh Long	Nội khoa (Thần kinh)	
97	31276	127231276	Nguyễn Thanh Nhi	26/12/1995	Tây Ninh	Nội khoa (Thần kinh)	
98	31277	127231277	Hồ Quang Thịnh	12/04/1995	Quảng Ngãi	Nội khoa (Thần kinh)	

Ấn định danh sách 98 học viên.

**TRUNG TÂM Y SINH HỌC PHÂN TỬ**

Hiện diện:

Vắng mặt:

Tổng số bài thi:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2